

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 4

(Phần Hạ)

Tiếp, trong phần biện Bồ-tát, có hai phần: Một, tổng thuật ý. Hai, “Lại ý kia...”: là biệt xuất lý do. Phần một lại có ba : 1. Nêu không. 2. Ý hoặc có hoặc không. Để thì không, cho nên nói “xứ xứ có văn”. Căn cứ lý hợp thì có, cho nên nói “Phạm văn...”. 3. Nêu trong “có”, nói “Bồ-tát hạnh vị...”: Bồ-tát thật địa vị cùng cực đến Diệu giác nhưng khác đối với biệt, nên gọi là “thâm”. Mới nhập thật còn chẳng sánh kịp, cho nên gọi là “tuyệt”, mới từ Quyền đến cho nên gọi là “tân”. Xưa quyền địa vị thấp, nên gọi là “tiểu”. “Nói Thọ lượng...” căn cứ lý thì trong Tích hợp đủ có lãnh giải, tân tiểu tự không dám. Cho nên dưới tổng lãnh tụng nói: “Đức Phật thuyết pháp hy hữu xưa chưa từng nghe. Thế Tôn có đại lực, thọ mạng không thể lường, vô số các Phật tử, nghe Thế Tôn phân biệt, được pháp lợi ích”, cho đến, “hoặc vô ngại nhạo thuyết”. “Ngoài ra còn có Nhất sinh tại...” tức là Bồ xứ tổng làm lãnh giải. “Tám tướng” để lãnh cho nên Thanh-văn lãnh giải, Pháp thân thọ ký khó chẳng phải người nông cạn lãnh giải. Nói “Lại cầu vật gì nữa v.v...”: lẽ ra lại trách hỏi: Ông chỉ biết Thanh-văn biệt lãnh, mà không thấy Bồ-tát thông lãnh? Cho nên đây ba phen giải thích nghĩa cũng như thông, ý đầu thông chỉ Tam giáo Bồ-tát, thông đều cầu Phật. Tuy là quyền nhân mà chấp nên dễ chuyển. Ý thứ hai, ba tuy nói “xứ xứ có văn”, và tiểu Bồ-tát... cho nên cần phân biệt. Tiểu ở tam quyền ngộ đại, nói lược. Cho nên nói “vân vân” là do nơi đây.

“Thứ bảy: Được thọ ký, không được thọ ký”: Cũng là xưa chấp. Đầu tiên là dẫn khởi. Tiếp theo là chánh giải thích Duyên giác như trước nhập số Thanh-văn, cho nên chỉ đối Bồ-tát, cũng chia làm ba: 1. Văn dùng ý đầu trong phần lãnh giải có, không trước nay, nghĩa kiêm ý thứ hai, Nếu đồng hai ý đầu, tức đồng ý thứ ba, nghĩa là văn đầu đều dùng ba nghĩa trước. Vì có thọ ký tức có lãnh giải. Nói “Như trước vân vân” là: Ý thứ nhất như trước lãnh giải. Trong ý thứ hai thiếu Phạm văn hoặc

có, chỉ nói tùy yếu. Ý thứ hai nghĩa đồng thứ ba trước, chỉ văn trước thì thông, nay thì đầy đủ thông và biệt. Long nữ biệt, Pháp sư thông. Đã thọ ký rõ ràng, tại sao ngại lãnh giải? Ý thứ ba căn cứ cận viễn biệt, cận không ưa thích, viễn ký cũng tại Phân Biệt Công Đức. Nói “Thọ Lượng”: lần nữa lại nghe Thọ lượng cho nên được thọ ký. Đối với ý thứ ba trước, thì chỉ Sở đối biệt, trước đối tiểu Bồ-tát, đây người Tiểu thừa.

Tiếp “Hỏi”, ý: Vì sao không nói thẳng quá bao nhiêu kiếp thì đắc Diệu giác Pháp thân, mà chỉ nói Tám tướng Sơ trụ? Đây là giáo ý chánh văn của nhất gia, mà người phần nhiều không ngộ. “Đáp”, ý có hai: 1. Nêu rõ cần tám tướng. 2. Sau được Pháp thân ký. Do sau biện rõ trước nên biết là Sơ trụ. Vả lại ngang là chỉ Pháp thân bản. Cho nên biết Nhị thừa hai xứ được lợi ích, lại cho tám tướng thọ ký. Lại khiến cho chúng sinh kết nhân tịnh độ, Bồ-tát đã trải qua nhiều kiếp làm lợi chúng sinh, tùy thực tùy thoát, không mượn tám tướng thọ ký thiên cận. Nhị thừa không như vậy, nên cần biện rõ.

“Thứ tám: Ngộ có sâu cạn”: Đây không có Sư xưa, trong đó lại có bốn: 1. Lược nêu nguyên do biện có sâu cạn có sáng tối. 2. “Đầu khai...”: là giải thích ý sâu cạn. Đã nói ban đầu nghe pháp thuyết rồi nhập Phật tuệ, nói Phật tuệ trong Trụ không chuyên một phẩm. Hoặc là chỉ có Sơ trụ hoặc là nhị, tam, tứ, cho đến thập địa, ba tiết tăng tiến lý thật như vậy. Như đã giải thích trong phần Duy thốn nói: “Trước nhập nay nhập”, cho nên nói “nay nhập” thì bao quát bốn tiết tức Tam chu, Thọ lượng. Nhưng trước nhập hiển mật không đồng, sợ không hiểu ý trước, cho nên lần nữa lại nói đó thôi. 3. “Như nghe...”: là nêu phàm so với Thánh, nêu thô so với tế. Nếu nghe lần nữa mà không lợi ích thì ban đầu cũng uổng sự nghe, bốn tiết thêm công, lý nên tăng tiến, có khi đến Nhất sinh bởi do đây. 4. “Đơn phức...”: là dẫn sự, như lạnh được áo, lớp lớp dần hơn. “Dày mỏng”: là giải thích “đơn phức”.

Hỏi: Nếu vậy thì vì sao trước nói người ở địa vị chân thật này thì không còn sâu cạn?

Đáp: Nhất vãng đồng vị thật không có cạn sâu. Luận tử mĩ sáng tối và ánh sáng thêm vào, vì là địa vị sau khi thêm đèn sáng, cho nên lý có tăng tiến.

“Thứ chín: Quyền thật được lợi ích”: Chia làm sáu phần: 1. Nêu xưa giải thích. Nói “Có một giải thích nói”: Xưa lẽ ra có nhiều giải thích, “một” kia trái văn cho nên tạm nói một. 2. “Nay nêu rõ...”: là chánh giải thích. Nói “gần viên”: “Viên” là viên mãn, lân cận địa vị viên mãn, gần Diệu giác. Nói “tế cực”: Nói rõ ở sát gần Viên. 3. “Sở

đĩ...”: là nêu nguyên do được lợi ích. 4. “Văn nói...”: là dẫn chứng. Nói “hóa công”: Khi ảnh hưởng tích đã có lợi ích của giáo hóa, trước sau tăng đạo tức là lợi sâu, Quyền nhân nơi nơi được lợi ích sâu. 5. “Cho nên một âm...”: là lập lý, không hẳn đều phải đợi đến Thọ Lượng, cho nên nói “một âm”. Lại, mật ích: thích hợp nghe “lâu dài”, thời xứ không đồng, hiển mật đều khác, cho nên nói “vân vân”. 6. “Lại ta...”: là văn chánh chứng ảnh hưởng được lợi ích. Nếu đối với mình cũng không lợi ích, thì sao cho là muốn đắc?

“Thứ mười: Đợi thời không đợi thời”: Đầu tiên trong chánh giải thích: Trước là đại phán. Tiếp, “Nếu căn cứ...”: là căn cứ tam chu và bản. “Theo luận đợi...” trong ba chu tự luận mật, như khi pháp thuyết; mật nghe Đại xa và sự Đại Thông mà được lợi ích tức không đợi thời. Chu giữa mật nghe căn cứ nói có thể biết.

Hỏi: Tam chu và Bản là có mật thuyết, Huyền Văn sao nói Pháp Hoa chỉ hiển ư?

Đáp: Nói hiển mật, là trước lúc ấy khắp nơi viên xen lẫn không biết nhau, nay đến kinh này đồng nhập một viên, tuy mật mà hiển thu- ân một vị, chỉ nơi một pháp hội có đợi không đợi, chỉ biết rõ thọ ký nhị thừa, vì hiển lộ phân minh nói thọ mạng lâu dài, nơi một pháp hội đây đều nghe biết cho nên gọi là hiển.

Hỏi: Nói “chẳng hiển chẳng mật”: nghĩa là quyết định tánh, đối với bốn thời trước đã không mật ích, không đến thời Pháp Hoa lại không hiển đắc, hai nơi không lợi ích, gọi là thất thời không?

Đáp: Các kinh khác, nghĩa là bốn thời trước đã nói vĩnh viễn diệt, vì các Thanh-văn... không biết Biến dịch.

Trong kinh Tịnh Danh, ngài Ca-diếp tự trình bày rằng: Đều ứng kêu khóc chấn động tam thiên. Ở đây Đại thừa đã như bại chủng. Căn cứ kinh kia phán là bại chủng thì đâu thể sinh? mà đến Pháp Hoa đều được Phật thọ ký. Nếu vậy thì lúc bấy giờ sao Đức Phật không thọ ký liền mà khiến đợi đến Pháp Hoa? Vì hiển mật không đồng, như trước đã giải thích. Nếu đem vĩnh diệt quyền luận dùng giải thích khai hội thật kinh, kinh đã sinh rồi thì luận tại sao năng diệt? Chỉ do diệt nơi kia được nghe, các kinh khác không nói hướng chi thông kinh luận, cho nên mất hiển mật cũng chẳng mất thời. Chỉ vì người hoằng giáo quanh co giải thích điều này, tức lỗi của người giải thích, không phải lỗi của Luận.

“Năm ngàn người đứng dậy bỏ đi...”: không có mật ích của bốn thời, mất hiển công nơi hội này, mất thời hóa độ này, cõi kia không mong đợi, thế nên lẽ ra là thất thời? Đáp rằng: Sau khi diệt độ lợi ích

là đúng.

Hỏi: Kinh nói: Sau khi Phật diệt độ thật đấng A-la-hán chấp nhận có thể được lợi ích, người thượng mạn không thật nên chẳng phải đây đâu ư?

Đáp: Thúc giục đến gần thật, thành thật như kinh nói, thì đã thông chấp nhận gặp Đức Phật khác, cũng đâu có ngăn cách thượng mạn, như kia không phát thì đợi thời Đức Phật sau.

Hỏi: Phật nếu đại bi thì tại sao không khiến người kia không hủy báng mà sinh tín?

Đáp: Đó là lỗi của người mù, chẳng phải lỗi của nhật nguyệt, pháp giới chúng sinh chưa làm lợi ích là chúng, hướng chi năm ngàn người đây đã nhuần chủng, hạ căn, sau khi diệt độ tuy lâu xa vẫn không đổi đời.

Hỏi: Thân-tử chu đầu vì hàng ba căn mà thỉnh, dưới đây tạp liệu giản, không liên quan mười môn. Nói vì bốn chúng ba căn, chu đầu khắp thỉnh Phật cũng khắp thuyết, các người chưa ngộ lại vì họ thỉnh khắp. Đã thỉnh khắp thuyết khắp, thì tại sao lại nói đức Phật đều vì họ nói ư? Đây dẫn ba phen đề nén đợi ba chu kia, Phật đã tạm đề nén dự định, tiêu biểu Thân-tử quyền năng dự tính, vì sao không mỗi mỗi thỉnh mà đầu ba chu thông làm ba căn, bắt đầu chu thí dụ thì chung vì trung hạ căn mà thỉnh, cho nên chư thiên lãnh giải. Văn sau có nói: Bấy giờ Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: “Con nay không còn nghi hối,...các vị tâm tự tại một ngàn hai trăm đây...”, cho nên biết là vì hàng trung căn mà thỉnh. Cho đến văn nói: “Xin Phật vì bốn chúng nói nhân duyên kia”, tức vì hạ căn thỉnh? “Đáp”, ý có thể biết, nhưng Thân-tử giả sử dự biết tại ba, cuối cùng cần phải thỉnh khắp. Nếu vậy, chu đầu thỉnh khắp thì vì sao Phật chỉ làm Pháp thuyết ư? Vì sao Thí thuyết lại thỉnh ư? Thí thuyết đã vì hai hạng trung hạ căn, vì sao lại thuyết về đời trước?

Đáp: Chu đầu thỉnh khắp, nói cũng nói khắp, người nghe chưa ngộ, chính ở vật cơ, trung hạ còn mê muội nên lần nữa lại vì trung hạ mà thỉnh khắp. Đức Phật cũng khắp vì trung hạ thí thuyết cho nên bốn người trong số một ngàn hai trăm người, ngoài số này là thuộc hạ căn, cho nên đức Phật xem xét căn cơ không cần thỉnh lại, liền hứa nói: “Nhân duyên đời trước, ta nay sẽ nói”. Nếu vậy, thì cũng chưa trình bày nạn. Nếu thông bị ba căn thì đâu nói ba phen nán đợi kia ba phen thỉnh để tiêu biểu ba chu? Đáp: Xem xét vật cơ tình, lý cần phải dự chiếu cho đến vì thuyết đầu lựa chọn hạ, trung. Cho nên khi pháp thuyết đã lợi ích trung hạ, mới khiến trung hạ trở lại ba phen liền ngộ. “Vân vân” là: Lẽ

nào có pháp thuyết trung hạ không nghe, lẽ nào có sơ thỉnh chuyên vì cực lợi! Rộng trách kiến giải xưa không hiểu đại đạo.

“Hỏi”: Dem hai chu: Pháp và Thí dụ, đối với nói đời trước, tợ như ba đời. Nếu thuận ba đời thì đương lai và hiện tại như thế nào? Trong “đáp”, nói “không có vấn”: tức là nói Nhất vãng. Như trong thuyết pháp “sẽ vì ông nói”. Nếu dem ba xưa vọng một nay, thì nay là tương lai của xưa. Đây căn cứ dù không có phương pháp biện luận, để đáp câu hỏi vô phương, được làm thuyết này. Nếu không vậy, thì chỉ được y thường lập danh “Pháp, Thí”. Đã nói “vô phương” thì xúc chạm đến chuyển, như trong thí thuyết Đại xa vọng tiểu đại cũng là đương. Như trong Pháp thuyết, vọng ba làm xưa, thì một cũng thành hiện tại. Nay nói “Thí là hiện”: thí là hiện sự, tạm nói “hiện” đó thôi!

“Căn cứ sau vọng trước”, thì “Pháp, Thí” ở sau đời trước, cho nên lấy nói đời trước làm quá khứ. Chuẩn theo đây thì biết “Pháp, Thí” hợp đồng đương hiện. “Hỏi: Xưa do năm trước chướng Đại thừa”, là chấp của Sư xưa. “Bốn liệu giản” là nay phá kia. Nói “như trước”: là chỉ Huyền Văn trên. Năm trước có trừ không trừ, đại cơ có động không động, không được hoàn toàn nói “chướng Đại”, cũng có thể nói “như sau”, tức trong phần sau giải thích năm trước, đầy đủ trải qua năm vị bốn giáo bốn câu. “Có người...”: lại dẫn người khác giải thích. Đoạn xong Kiến hoặc, còn có Vô minh, cho nên sở chứng chân cùng vô minh đây, cùng làm chướng Đại thừa. Vô minh nêu Tu hoặc, tức không phát tâm sơ quả, cho nên dẫn Pháp Hoa luận để chứng minh. Nói “người không phiền não” vì đã đoạn Kiến hoặc. “Có nhiễm mạn”: là có Tu hoặc. “Chưa biết thường trụ”: tức là chướng Đại. “Như Bác địa không chấp”: chưa có sở chứng chưa từng đoạn kiến. Hai si hợp minh vô minh hoặc mạn, cho nên nói “độc chướng”. Ý nói trong năm trước thì Chúng sinh trước Kiếp trước và Mạng trước, không hoàn toàn là chướng. Vì chướng là “Kiến, Tu” hai trước. “Nếu vậy...”: là người khác vấn nạn. Ý nói: Nếu hai người vô minh, hoặc cùng hoặc riêng, đều năng chướng, tức là vô minh đây. Nếu định là năng chướng thì định phải phá. Nếu nghe pháp rồi phá, thì không ảnh hưởng nghe pháp, làm gì có chướng? Nếu chưa nghe pháp mà trước phá vô minh, thì lúc nghe pháp, vô minh đã không còn, nên không gọi là chướng. Đây là ý của Tam luận sư, không hỏi nguyên do vô minh làm chướng ngại, mà thẳng dùng tự tha v.v... để vấn hỏi rằng là: Chướng có hay không? “Đáp: Đó là tha nhân... làm thông”: nghe pháp cho nên phá, phá do nghe pháp. Nói “không trước sau”: Chưa nghe pháp mà phá là “trước”, nghe pháp rồi mới phá

là “sau”, trước gọi là tự phá, sau gọi là tha phá, tự tha không phá không nhân không thể. Tiếp “tuy không trước sau...”: là tuy chẳng tự tha nhân duyên cho nên phá, mà do nhân duyên cho nên cũng trước cũng sau, cũng trước cho nên tối (ám) diệt, cũng sau cho nên sáng (minh) sinh. Nay từ phá mà nói, cho nên “không trước sau”. Nay từ lập mà nói thì Vô minh nhất định chướng. Lại, cũng nên nói “tuy không trước sau, mà nghe pháp thì nhất định phá”.

Tiếp lại liệu giản (giải thích) “Tri và Bất tri”: Đầu dẫn hai kinh đều nói “tri (biết)”. Vì sao kinh này ba chu nói xong còn nói “bất tri (không biết)”? Nhưng tuy nói “biết” mà văn ý có chút sai biệt, kinh kia thuộc Phương-đẳng nên đầy đủ hai ý: 1. Đối các Bồ-tát, thì nói người Nhị thừa đầu tiên phát đại tâm, sau chung quy đại thừa. 2. “Do không ngu...”: hoàn toàn bài xích, đầy đủ như trong Chỉ Quán cuối quyển ba. Kia lạm dẫn dùng làm lời nạn vấn. “Vì sao sau ba căn...”: sau phẩm Pháp Sư mượn văn trường hàng nói: “Nếu người Thanh-văn nghe kinh này mà kinh nghi sợ sệt, thì phải biết đó là hạng tăng-thượng-mạn”. Đây dùng “thượng mạn, kinh nghi” để hiển bày “không biết”. Chỉ vì sau ba căn thấy đều phải “biết”, vì sao còn nói “kinh nghi sợ sệt” ư? Đầu tiên nghi cho rằng ba chu ban đầu động chấp sinh nghi, sau ngộ thì cho rằng ba chu lãnh giải, sau lãnh giải thì không còn nghi. Vì sao ở đây sau lãnh giải mà còn tự kinh nghi? Trong “Đáp” có hai ý: Đầu, thông nêu “biết”. Tiếp, “Phàm có...”: là phân môn biệt giải thích. Ý văn đầu: Kinh này cũng nói “biết”, trách người hỏi, vì sao chuyên dẫn văn “không biết”? Cho nên kinh này cùng thọ ký nơi nơi đều nói “biết”. Tiếp dẫn văn đây để chánh đáp nói “biết”. Sau ba căn có người không biết, tức là lời thúc giục. Những người không ngu thì đến thời Pháp Hoa thấy đều “đã biết”. Giả sử lại có người không biết, thì phán đó là hạng người thượng mạn. Đã chẳng phải thượng mạn, thì đạo lý đều “biết”, “tướng diệt độ” mà còn biết huống chi các hạng khác ư!

Tiếp, phân môn giải thích: Đầu nói rõ biết là Thanh-văn ở kinh kia cũng không nói “biết”. Phật tại kinh kia vì các Bồ-tát nói ý nguyên do kia, cho nên nói “biết”. Đây tức đáp câu hỏi về hai kinh trước. Xưa từng phát Đại thừa cho nên nói “trước biết”, trung gian thoái Đại cho nên nói “tiếp, nêu không biết”, “sau” đến hội Pháp Hoa này bị hội thì mới “biết”. Nếu Phật còn tại thế thì tam căn được thọ ký, sau khi Phật diệt độ thì không gì là không biết. “Lại, Thân-tử...”: là lần nữa lại dẫn kinh này để chứng minh là “không biết”. Câu đầu Thân-tử trình bày một ngàn hai trăm người không biết. “Ta nay...” là đầu Pháp thuyết,

tự trình bày “không biết”, đây là văn “không biết” trước ba chu, chẳng liên quan đến sau ba chu. “Lại, Đại Thông...”: đây đương “Sau ba chu” cũng có văn “không biết”. Vì sao? Vì đã nói “Lúc nói kinh này thì mười sáu vị Sa-di thấy đều tin thọ, trong chúng Thanh-văn cũng có người tin (nhận) hiểu, các chúng sinh khác còn lại ngàn vạn ức chúng đều sinh nghi-hoặc”, tức là khi Đức Phật kia còn tại thế cũng có người “không biết”, nhưng cũng không được nói là “vĩnh viễn không biết”, bởi vì các vương tử vì họ mà trở lại giảng giải. Mười sáu vương tử này đương lai sẽ làm Phật. Đức Phật tuy tại thế, Tứ y hoàng kinh về lý cũng không sai. Nên biết tạm đối khi nghe Phật thuyết mà nói “không biết” đó thôi!

“Nếu chấp...”: tiếp là hòa hợp: Trong đó: Trước là tổng ý không phải. Tiếp là chánh hội. Phần trước, không chịu thiên chấp, như hai văn trước, hoặc là đầu cuối biết mà trung gian không biết, hoặc là đầu không biết sau ắt được biết. “Sinh tướng diệt độ” mà còn nơi kia biết, hướng chi Phật tại thế mà tạm thời không biết, lẽ nào được cố chấp mà sinh mâu thuẫn? Mâu thuẫn đầy đủ như trong Chỉ Quán chép. “Luận...”: là ức chế khuất phục phàm tình, sợ thành tổn hại lớn. Nói “các việc khác”: là tu hành hướng đến quả, có ích lợi thì mới nên luận. “Thanh-văn...”: lại thuận văn tranh luận của Đại kinh cho nên Đại kinh đều nói “không hiểu ý ta”. Nhưng trong kinh kia hai mươi ba cặp đều nói “không hiểu”, do đối giáo xưa cho nên trách người mê cả hai đều “không hiểu”. Nếu biết ý hóa độ thì cả hai đều gọi là “hiểu”. Tại xưa nên nói “không thành chấp”, đối với nay thì thành lỗi. Tại nay nên nói “ắt thành”, đối với sau hợp Tiểu thừa thì thành lỗi. Do Đại Tiểu giáo “khai” và “không khai” đều thông ba đời. Nếu chỉ dẫn không thành để chứng minh định tánh, thì đã đều có lỗi, lẽ nào riêng dẫn ư? Cả hai dẫn đều chấp, còn trái ý chỉ của giáo, “mê thật chấp quyền” lỗi kia chẳng nhỏ, “vong quyền chấp thật” lỗi đây còn nhẹ. Đã trình bày thật giáo thì phải nói “quyết định thành”. Hạng người không thấy thì ủng hộ theo kinh điển Quyền dùng để chứng Thật giáo. “Nay thử...”: chánh còn giáo nay mà làm dung hội. Trước chánh dung hội, tuy có hai cái bắt đầu mà Đại bắt đầu là quyết định, lẽ nào theo trung gian chấp tiểu tình chấp tiểu diệt làm quy cũ, cho nên Đại giáo quyết định thành, không cần tranh luận, một cặp nghĩa đã vậy thì hai mươi hai cặp xin hãy theo đó mà quán. Nếu Phật Thế Tôn đều để lại văn có ngăn ngại, thì sao thành tam đạt ngũ nhãn được? Cho nên y đây thì phân biệt tranh luận tự tiêu. Dù trong hai mươi ba cặp tiểu bộ không đồng nhưng rõ ràng là dễ dàng.

Tiếp, “Nếu hiểu được ý này...”: ở trong niệm xứ mà phân Quyền

Thật, cho nên biết còn nghi hối, thì “biết” cùng “không biết” hai môn không nghệt lấp, cho nên quyền thật hai người biết không biết sai biệt.

“Có người nói...”: là dẫn xưa lược lập lợi độn hai người, cho đến giải thích ly làm bốn câu, thuần dùng Quyền nhân để chỉ rõ “biết” và “không biết”, cho nên không ứng lý. “Nay không chọn...”: là chỉ điểm hai thứ Sơ nghiệp thì sự bế tắc kia tự tiêu đâu cần lại dùng một phần đầu làm ngăn ngại, hướng chi nếu nghe Pháp Hoa mà không tổng phá. Cho nên căn cứ ý nay, nêu đủ quyền thật, vì vậy nên không dùng bốn câu thuần là Quyền. Nếu theo luận: Căn cứ Thật hành đối Quyền thì đều chia làm bốn câu cho nên nói “vân vân”. Văn lại lược lập. Quyền: Trước biết, Thật: Không biết. Nương sơ nghiệp Tiểu thừa, sinh Diệt tướng, là hiện đời không biết. Biết là hiện được ngộ, tức hai câu đầu. Câu thứ ba: đầu không biết, sau biết. Câu thứ tư: tức trong thời Phương-đẳng bị bài xích, do căn cơ chưa phát nên chẳng biết, do bị bài xích nên chẳng phải không không biết. Quyền nhân đồng với Thật, chỉ bày biết không biết. Luận rằng nội tâm kia không thời nào không biết, cho nên không dụng xưa, nơi nghĩa tự hiển rõ. Lại rộng căn cứ các giáo, địa vị nào, thời nào, hiển mật, quyền thật, biết không biết... Vọng xưa tuy vậy, nay đối thật chỉ là đầu thì không biết sau mới được biết. Nhân đây lần nữa lại liệu-giản Duyên giác. Hỏi có thể biết? Trong “Đáp”, dẫn kinh nói từ biết. Hỏi: Đây Phật cũng có nghe pháp Duyên giác, sao không khiến kia nghe Phật thuyết pháp như người Nhị thừa trong thời Phương-đẳng Bát-nhã ư? Đáp: Người chưa đoạn Hoặc thì có thể khiến họ nghe pháp, người đã đoạn Hoặc thì tự cho là Độc giác, do đó nên biết ở đời không có hai Đức Phật.

Hỏi: Duyên giác trú tại Tiểu thừa thì có gì ngăn ngại?

Đáp: Vốn là pháp diệt, không có thầy mà riêng ngộ. Đã có Phật hưng khởi lại không bẩm thọ giáo, ra đi thì không được lãnh thọ giáo, là ngăn ngại, cho nên không đồng Phương-đẳng vốn là người lãnh thọ giáo.

Hỏi: Theo hướng nơi nào?

Đáp: Hướng chỗ không có Phật, dù ở cõi đây cũng là Phật giáo không thể sánh kịp, như vị vua có đức xuất hiện, lẽ nào sao chổi không ẩn mất? Nếu vậy, thì kia đắc thần thông lẽ nào không biết ư? Đáp: Vì hộ căn cơ chúng sinh, không hộ Duyên giác, biết cũng đâu sai. “Nguyện sinh” cho đến “thập tứ sinh”: do nguyện lựa chọn số lần sinh mà được gặp Phật. Hoặc là nguyện sinh mà sinh số chưa mãn, hoặc là sau lên cõi trời mà nguyện còn lôi kéo dẫn đến, đầy đủ như trong quyển thuộc

diệu, vì vậy nên người đây gọi là Thanh văn.

Nói “Thập tứ sinh”: Nhân thiên đều có bảy, chỉ tổng lập bảy, hoặc hai mươi tám đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển sáu nói. Nêu cực độn đến thập tứ đó thôi! Cho nên sinh chưa mãn liền thành vô học. “Nhị quả tam quả”: Như người Nhất lai và ba loại người trong Ngũ hàm. Biết Phật xuất thế còn có kể từ cõi trời xuống đến thân cận Phật... Nếu thượng lưu thì dù đến Vô sắc và Vô sắc Bát, đều có khởi Dục giới hóa đến gặp Phật. Nếu không gặp Phật thì cũng có thể chấp nhận đắc Hữu dư Bát, cũng gọi là Độc giác, cho nên nói nhị quả tam quả theo lệ như vậy, do theo nguyện, hưởng chi hai quả dục nhân thiên sinh thì nguyện cũng dễ dẫn dắt. “Biến hóa Duyên giác”: Nghĩa căn cứ theo Thanh-văn cũng đủ bốn thứ, nay văn liệt kê một nghĩa đã bao hàm ba, sở hóa gồm hai. Văn chia làm ba, ba văn đều chia hai, do ba văn đều có hai chữ. Như trong văn thứ nhất: Đầu, là thuận. Tiếp, “Lẽ nào đắc...”: là hứa. Thứ hai: Đầu, là giới (rắn). Tiếp, “Ta sẽ...” là hứa. Văn thứ ba: Đầu, là chọn, Tiếp, “Ông nay...”: là hứa.

“Đại kinh nêu bốn thiện pháp”: Phẩm Đức Vương giải thích mười công đức, trong đó nói: 1. Thân cận thiện hữu. 2. Lắng nghe chánh pháp. 3. Tư duy nghĩa kia. 4. Như thuyết tu hành. Chỉ bốn pháp này là nhân Niết-bàn. Nếu nói khổ hạnh là nhân Niết-bàn, thì không có việc đó. Ba câu sau tức Tam tuệ, cho nên đức Phật dạy đó là nhân duyên gần Niết-bàn. Năm ngàn người tại tòa cho đến gần chúng, hoặc là lúc quá khứ đã có duyên hủy báng pháp, hoặc căn cơ chưa thuần thực nghe ắt sinh hủy báng, cho nên Phật biết thời dùng thần lực khiến họ ra đi. Lại như khi Đức Phật nói kinh Anh Lạc, thì năm ngàn Bồ-tát lại từ tòa đứng dậy bỏ đi. Phẩm Thí Dụ kia nhân Phật nói Pháp thân công đức, trong pháp hội có năm ngàn Bồ-tát từ tòa đứng dậy đi. Mục-liên hỏi Phật: Các chánh sĩ đây tu Bồ-tát đạo đã nhập chánh pháp tạng của Như Lai, tu hạnh quá tam thừa, vì sao khi nghe nói Tam thân thì không thọ mà thoái? Phật dạy: Thiện nam tử! Nghe nói thì bọn người này máu dồn lên mặt. Vì sao vậy? Vì người ấy trải qua vô số kiếp thường phỉ báng, bọn người ấy trong quá khứ đã ở nơi hằng sa Phật tu hạnh lục độ khởi tướng chấp trước, có tâm hối hận, cho nên có thoái chuyển, sẽ lại trải qua nhiều gian nan cần cù. Ở nơi ngàn đức Phật trong quá khứ mà họ còn chưa được độ, bọn người ấy tu Bồ-tát đạo muốn được thành Phật trọn không thể được, như người muốn xây dựng nhà trên hư không, cuối cùng không thể thành. Nay nói đây chính là tâm Tam tạng Bồ-đề căn cơ chưa hợp thời. Nếu nghe tam thân lý hợp thì sinh hủy báng, thông tại

Diễn môn sinh hủy báng nghĩa thiếu. Cho nên biết người đời nay tuy muốn phát tâm, mà không lựa chọn thiên viên, không hiểu cảnh thế nguyên, thì đời vị lai nghe pháp, sao có thể tránh khỏi phỉ báng?!

Hỏi: Trước nói ba phen bảo “Thôi!” là để nán đợi ba căn, nay tại sao nói “vì năm ngàn người tại tòa”?

Đáp: Sau ba phen tỉnh thì năm ngàn người ất ra đi. Chỉ hết thấy ba phen bảo “Thôi!”, dùng tướng đương hai nghĩa, đối lý không ngăn ngại.

Có khi một pháp đương vô lượng duyên, chỉ hai việc đây sao đủ sinh nghi? “Năm trước chướng nhiều”: là năm trước thêm nhiều biểu hiện đủ Kiến, Tu. Lại thêm chấp mạn, cho nên gọi là “căn thâm” (sâu). Chướng tội thì căn có khi chưa thâm (sâu), cho nên chấp mạn thì mới gọi là “thâm”. “Cành lá vụn vặt”: là nếu thật đặc quả như gốc rễ cây lớn mặc sức mà làm đồ dùng. Chỉ chấp cành lá cho là có khả năng mà khinh thường gốc rễ, cho là ngang bằng, cho là vượt quá, thì gọi là “tăng thượng mạn”. “Chấp Phương tiện của phương tiện”: Bốn quả Tiểu thừa đã là phương tiện, lại đối với Noãn, Đảnh chấp là chân cực, phải biết rằng thượng mạn chẳng phải hoàn toàn không có pháp, chỉ vì ở địa vị thấp mà tự cho là tăng thượng, mà kiêu mạn với người khác, nên gọi là “tăng thượng mạn”.

“Bốn phen tỉnh”: Coi thọ ý chỉ văn nghĩa là tướng đương một phen tỉnh, gồm trước chia làm bốn. “Độc cổ (trống độc)”: Đại kinh nói: Ví như có người dùng chất độc bôi vào trống, ở trong đại chúng đánh trống khiến phát ra tiếng làm cho người nghe đều chết. “Trống”: Pháp thân bình đẳng. “Độc”: Từ bi vô duyên. “Đánh”: Chúng phát khởi. “Nghe”: Chúng đương cơ. “Tử (chết)”: Phá vô minh. Đời nay phá lậu hoặc bị phá gần chết, chỉ là người đương cơ. Đời sau lậu-hoặc bị phá (viễn) xa chết, đây là năm ngàn người tuy chẳng phải đương cơ, Như Lai vì sao không gương vì họ nói để làm nhân lâu dài? “Như Hỷ căn...”: tức người được lợi ích xa, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển tám nói. Trong “Đáp” nói: “Trong pháp hội cuối của kinh Hoa Nghiêm”: đây lại hoàn toàn nhờ Kết tập thuyết. Cựu Hoa Nghiêm (kinh Hoa Nghiêm sáu mươi quyển) phẩm thứ ba mươi bảy nói: Lúc bấy giờ Xá-lợi-phất từ rừng Kỳ-viên đi ra, không thấy Như Lai tự tại trang nghiêm biến hóa và sư tử hống diệu công đức..., không thấy các đại Bồ-tát quyển thuộc, cũng không có trí nhãn năng kiến giác tri và sinh ý niệm, cũng không ưa nói không năng tán thán để người Thanh-văn xuất tam giới. Đây tức văn nói: “như cầm như điếc”. Ở hội cuối của Hoa Nghiêm, tức sẽ bắt

đầu nói Tiệm nhưng cũng đã gửi Ta-bà một kỳ vọng thiết lập giáo hóa Tiệm giáo, để thuyết dùng thông ý nay. Nên biết Hoa Nghiêm tận thời vị lai, tức là kinh này thường tại Linh Sơn, đâu khác mười phương lại xen lẫn chủ bạn. Đến phẩm thứ ba mươi tám: Nhập Cảnh Giới Phật thì Văn-thù từ lầu Thiện Trụ đi ra cùng chư thiên long... đến chỗ Như Lai đầu mặt lạy chân Phật, thiết lập cúng dường rồi dạo qua phương Nam. Bấy giờ Xá-lợi-phất nương thần lực Như Lai thấy Văn-thù-sư-lợi từ Kỳ Hoàn ra mà suy nghĩ rằng nay cùng đồng đi. Bấy giờ Xá-lợi-phất có sáu ngàn đệ tử từ phòng mình ra, lễ chân Phật rồi đi đến chỗ Văn-thù. Sáu ngàn người này đều mới xuất gia, đã từng thân cận chư Phật trong quá khứ, đều được Văn-thù hóa độ. Xá-lợi-phất vì các Tỳ-kheo mà rộng tán thán Văn-thù. Văn-thù nói với các Tỳ-kheo: Các ông khéo năng thành tựu mười thứ đại tâm thì đắc Phật địa, hưởng chi Bồ-tát địa. Từ xưa cùng nói thời Hoa Nghiêm dài, nếu vậy chính là giáo sau kết tập cho đến Bát-nhã mới có thể được nói khiến các Tỳ-kheo thành mười đại tâm, đây chính là nghĩa đương lúc chuyển giáo. Kết các ý đây nhập trong thời Hoa Nghiêm, cho nên nói thời dài. Phải biết dùng pháp giới mà luận thì đều là thời Hoa Nghiêm, dùng Phật tuệ mà nói thì đều là thời Pháp Hoa. Đạo lý tuy vậy, nhưng nếu căn cứ thứ lớp bộ loại thì không tiện, tức là các giáo Lộc Uyển đều nên kết lấy, chỉ là đại tiểu không đồng căn cơ thấy không bình đẳng, cho nên khiến giáo chủ nói cũng không phải một. Nghiệm Xá-lợi-phất đã có sáu ngàn đệ tử, cho nên giống như thời Phương-đẳng, Bát-nhã giáo, đâu chỉ Lộc uyển ư? Nay vẫn lại nói “chưa phá tiểu chấp” tức tựa như bắt đầu thời Lộc uyển. Căn cứ văn dưới giải thích Trưởng giả trong phẩm Tín Giải chỉ là căn cơ thấy mặc, cõi trước theo. Nay cũng lại nhờ Tiệm giáo Đại cuối Tiểu đầu để giải thích câu: “Nay chư Phật” đến “lựa bỏ”, bởi vì không có mật giáo đồng tịch lợi ích. Nay muốn diệt Hóa thành phế bỏ thảo am, chính là thể bình đẳng Nhất hóa. Đây còn ở Tiểu thừa khởi tăng thượng mạn, hưởng chi năng Đại thừa lợi ích ư! Cho nên phần nhiều người ở đây chánh thích nghi khiến bỏ đi. “Dù đi hay ở đều phải báng...”: nghe lược thì không hủy báng, nghe rộng ắt hủy báng cho nên nói: “đi thì có lợi ích”. Vì vậy, “độc cổ” gồm hai nghĩa hủy báng và không hủy báng. Trước nghe lược nói đã thành nhân không hủy báng độc cổ, tại sao lại cần thêm thành nhân hủy báng ư? Hai nhân không sai biệt thêm hủy báng đoạ vào khổ, không tạo nhân hủy báng thì có khi ở Niết-bàn đắc lợi ích đương cơ. Nếu thêm hủy báng thì phần nhiều mất lợi ích gần, cho nên mặc cho bọn kia đi để còn được lợi ích gần. “Hủy căn, từ” cho nên

khiến xa được lợi ích, ban cho hạt giống an lạc kia. “Như Lai, bi” nên hộ trì khiến không hủy báng, bạt (cứu) đương khổ kia.

Tiếp, “Hỏi” có thể thấy. Trong “Đáp”, “chẳng phải đương cơ...” là: Nếu chỉ dùng năm ngàn người mà làm kết duyên, còn lại là đương cơ thì năm phẩm trở lên đều thuộc đương cơ, nhưng chuẩn vọng theo văn trước, trong giải thích bốn chúng thì chúng đương cơ chính là tại Sơ trụ trở lên. Có khả năng làm Chúng ảnh hưởng thì sáu căn năm phẩm đều là kết duyên. Chỉ là kết duyên nghĩa rộng muốn thâm tóm hạng đứng dậy bỏ đi. Dù dùng năm phẩm làm đương cơ, hạng này cũng được gọi là kết duyên. “Đã như trên nói”: như nói trong “đời thời” bên trên, tức sau khi Như Lai diệt độ người hoàng trì kinh được lợi ích. “Xưa thời đức Phật Đại Thông...”: đầy đủ như văn trên giải thích Chúng kết duyên, cũng đem văn này mà làm chứng kết duyên. Trải qua thời gian nơi chốn như thế rồi mới được độ, sau khi Như Lai diệt độ người hoàng kinh biên được lợi ích của chúng đương cơ cũng vì rất gần, cho nên biết chúng của mười sáu vương tử kia lẽ nào không có đến nay vẫn có người chưa độ ư? Không thấy lợi ích ba đời lâu xa, mà cho là hiện khó khăn sâu xa không thể biết. Đây là Đại thánh thấy nói căn cơ, sau khi Phật diệt độ hoàng kinh thật đáng làm theo lệ. “Khi nói Đại kinh thì một vạn năm ngàn ức người...”: Sư Tử Hống Bồ-tát nói: Như Phật đã nói tất cả chúng sinh năng tin kinh Đại Niết-Bàn bất khả tư nghì như đây. Bạch Thế Tôn! Trong Đại chúng đây có tám vạn năm ngàn ức người đối với kinh nay không sinh tín tâm. Cho nên người năng tin thì bất khả tư nghì. Sơ văn thiếu tám chữ, ý sơ nói: Đã nói “ở trong Đại chúng”, lại nói “không sinh tín tâm”, cho nên biết: đã là chúng kết duyên. Cho nên năm ngàn người tuy bỏ đi mà đã nghe lược nói. “Không lâu”: ý cũng chỉ lợi ích của người hoàng kinh. “Kinh Kim Quang minh...”: quyển bảy nói “hai hạng người”: 1. Thâm tín Đại thừa Phương-đẳng. 2. Hủy báng, không sinh tín thích. Người không sinh tín thích cũng được kết duyên, cho nên dẫn làm ước lệ.

Trong phần “Chánh rộng thuyết” chia làm hai: Trước nêu rộng để khai lược. Tiếp chỉ rộng liệt kê tướng chương. Văn đầu lại có hai: 1. Đối lược khai chương. 2. “Câu trên...”: lược chỉ nguyên do rộng. Tiếp “Sáu là”: chánh chỉ tướng rộng, trong đó lại có bốn: 1. Liệt kê sáu chương. 2. Sinh khởi sáu chương, cũng gọi là ý chương. 3. “Trong năm chương...”: là chỉ năm Đức Phật có không. 4. “Lại sáu...”: là nêu đại thể sáu chương: Sinh khởi rõ ràng đại thể tùy thời, dùng sáu nghĩa đây cùng thành Đại chỉ khai hiển. Nói “lược mà không thiếu...”: năm đức Phật

xen nhau lược xen nhau tồn không thiếu. “Đến” là nơi đến, cộng thành Nhất hóa đầu cần liệt kê nhiều phiền phức. Như ba đời Phật chỉ đều có hai chương, lẽ nào chẳng phải lược tối đa? Cho nên trong sáu chương khai hiển hai chương “lược mà không thiếu”. Nay Quyền đến Thật mà lược bỏ bốn chương khiến vẫn không nhiều. “Trước sau cũng không còn v.v...”: ý nói “không còn”. Điểm quan trọng trong sáu chương chẳng gì bằng khai hiển. Trước sau xen nhau không còn bốn chương kia, nhưng nghĩa ở sáu chương chung thành một ý. Cần phải nói đầy đủ đại thể để biện rõ lý không thứ lớp v.v... “Nay chỉ...”: là tổng, nguyên do trong chương Phật chỉ bốn mà không hai, tức bốn là chánh, hai là phụ. Phải biết năm, sáu thành tựu ba, bốn cho nên lược chỉ. Lại trong bốn trước thì ba, bốn là chánh; một, hai là trợ thành, cho nên chương Tam thế đều chỉ ba, bốn. Đức Thích-ca hóa chủ đời ngũ trước, vì thiết lập ba, cho nên lại thêm, chỉ thiếu một đoạn văn tán thán pháp thôi! Tóm lại mà nói ắt phải đầy đủ sáu, vì tránh văn rườm rà cho nên phải chỉ xen nhau.

“Hơn bốn mươi năm”: Luận Pháp Giới Tánh của ngài Bồ-đề Lưu- chi nói: Sau khi Phật thành đạo bốn mươi hai năm mới nói kinh Pháp Hoa. “Cửu cửu, hy sơ”: Trước lúc ấy không phải không có chỉ riêng hiển thuyết cho nên nói “hy sơ” (thưa thớt). Như Kinh Hoa Nghiêm nói Phật tuệ cách Tiểu đối Thiên, trải qua Tam-muội nay mới riêng thông suốt, đây có hai ý: 1. Lâu (Cửu) mới nói. 2. Đúng thời mới nói. Tuy liệt kê ba thứ: người đã có thể kham v.v..., mà ý nói ở thời vậy.

Hỏi: Thời Phương-đăng Bát-nhã tuy có “đối đối” cũng nói Phật tuệ, vì sao gọi là “hy sơ”?

Đáp: Đây căn cứ nhị thừa độn Bồ-tát mà nói. Đầu ở thời Hoa Ng- hiem mà không nghe, tiếp nơi Lộc uyển mà chứng nhập, sau ở nơi hai vị mà không dùng. Nay bắt đầu được nghe thì thành “hy”. Các Bồ-tát lợi căn sao từng không nghe? Chỉ dùng tăng tiến để làm lợi ích của kinh này. Nếu căn cứ Bản môn thì chẳng phải trong đây tán thán.

Hỏi: Nếu vậy thì Hoa Nghiêm cùng hai tô (Sinh tô và Thục tô) đều nói Phật tuệ, đâu chỉ có Hoa Nghiêm đã nói Phật tuệ?

Đáp: Hai tô đều có, chỉ Hoa Nghiêm tuy kiêm Phật tuệ khá thuần, từ thuần được tên.

“Ưu-đàm hoa”: Tân dịch Ô-đàm-bát-la, Trung Hoa dịch là Thụy ứng. Kim luân vương xuất hiện thì đại hải giảm bớt. Kim luân lộ hiện thì hoa này mới sinh, điềm báo trước làm Kim luân vương. “Điều thực”: Cũng có thông biệt. Thông thì hai chữ thông nơi hai vị. Biệt thì “Điều” nghĩa là điều phục bài bác như Phương-đăng, “thục” là thành thực, tức

nói thêm. Trong cụm từ “Đề-hồ vân vân”, thì “vân vân” là: Rộng căn cứ ba vị, nêu nguyên do không nói, như các văn trên cho nên không lặp lại. Trong cụm từ “gọi là “Linh” vân vân”, thì “vân vân” là: Nên nói “linh” tức linh thông bởi vì thông tất cả. Tùy nghĩa tiện cho nên “Linh tự tại sau”. Từ danh tiện cho nên “Linh ứng tại trước”. Có thực hành pháp quán đây cho nên được Phật thọ ký, cũng gọi là “thụ” (điềm lành). Có thực hành pháp quán đây thì sau mới đắc quả, cho nên gọi là “hoa”. Tam quán thành rồi thì chân nhân mới hiện. “Ba ngàn” là tiêu biểu thật có thể bao gồm. “Lý này...”: là lý giáo hạnh nhân.

Nói “trái, ngược”: Dùng “trái” dùng “ngược” để giải thích “thuận, chánh”. Do xưa trái ngược nên nay trái ngược. Xưa nghịch tức thuận thì sao trái ngược ư? Đều nói “chí”: thật là cùng cực. Như “chí” đến kinh này thì không quá trên, cho nên đều nói “chí”. “Trở lại chỉ...”: là giải thích ý khuyên tin. Vì sao khuyên tin? Vì muốn nêu “xưa thô tức diệu”, sợ chúng sinh sinh nghi cho nên dự định khuyên răn. Nói “bốn thứ”: Chỉ trên đã nêu “Lý này” trở xuống là bốn văn, cho nên nói “khách làm...” mà không nói “người” chỉ nói “bốn thứ”, vì nói “khách làm” mà bao hàm bốn thứ. Cho nên tổng làm xuyên suốt. Sở dĩ xưa để “khách làm” nay thành bốn thứ của con Trưởng giả. Lại không sửa đổi hoàn toàn thành bốn thứ diệu, cho nên nói “việc các ông làm...”. “Tin không có v.v...”: là thời Phật tại thế mà còn chỉ dùng nhân (người) hiển pháp. Đời mạt pháp lẽ nào có thể pháp diệu nhân thô? Nếu nói Đại quyền ắt không dùng thiện mà lạm xen nơi ác. Thần dù sai khác, Tích đều siêu vượt hai đường. Thế gian nói siêng học không bằng chọn thầy, cho nên nói “Các ông nên tin lời Phật dạy”. Đầu tiên nêu Phật đạo cực kỳ khó biết, là ý thiết lập quyền. Bởi vì trong các giáo không thiết lập danh, nay muốn nêu “khai” cho nên trước trình bày sở khai, tức là sở thi (thiết lập). Cho nên Huyền Văn nói: Vì Thật mà thiết lập Quyền, thì ý tại nơi Thật. Khai Quyền hiển Thật thì ý tại nơi Quyền. Phải biết dùng Thật làm Quyền, Quyền gọi là ẩn Thật. Khai Quyền hiển Thật, ngoài Thật không còn có gì khác. Ẩn cùng hiển lợi tại tình thức của chúng sinh, thường trụ nguồn gốc chưa từng tăng giảm, cho nên trước chưa khai, chẳng những không nói “hiển thật” mà cũng đều không nói “thiết lập Quyền”, cho nên nói “thích hợp Quyền”, tức cần hiển Thật. Nên biết đây là thủ đắc tông chỉ của Pháp Hoa, nguyên do của Thật giáo, là chỉ quy để giải thích nghĩa, phủ tạng của các hạnh. Nếu không thể nghiệm được mà chỉ thi hành vận dụng suông, hễ đạt đến ý đây, thì đều là người siêng năng. E rằng học giả tông này lạc mất ý chỉ của Kinh.

“Vì sao vậy?...”: ứng giải thích chư Phật. Nói “Ta dùng...”: là dùng “ta” để giải thích kia. “Mượn đây”: Đã đem tự Quyền mà giải thích kia. Chữ “tá” có âm đọc là phiên thiết của hai chữ “tử” và “dạ”, đọc khứ thanh, có nghĩa là “mượn”. Ý chính là dẫn kia chứng minh đây, cho nên tạm dùng đây giải thích kia, ý cũng nêu đạo đồng. Kia đây đều thiết lập khai. “Pháp đó...”: Nếu kết khai Quyền thì hai chữ “pháp đó” chỉ các pháp diễn thuyết trước nay. Trong phần “Nêu Nhân pháp” nói: “Nêu vô phân biệt pháp” là đem “pháp đó” trước nay mà hiển thật pháp, cho nên nói “pháp”. “Chỉ có chư Phật” là nêu “nhân” (người). Chính là pháp trước nay cho nên nói “năng biết”. “Trừ chư pháp...”: Nếu vậy thì ngoài Pháp Hoa ra, đều là ma sự ư? Không như vậy, chỉ vì Quyền trong các giáo trước thì ma cũng nói được, chỉ một Thật đây thì ma vĩnh viễn không lường tới được nên đều nói “trừ” đó thôi! Cho nên mê hoặc A-nan thời cũng nói trung đạo, chỉ trừ ma kia mà khai pháp kia. “Chẳng phải năm, bảy, chín...”: Vì ba, năm... đều là phương tiện, cho nên đều nói “chẳng phải”. Tam tạng Tam thừa thêm Nhân Thiên là năm, thêm Thông giáo Nhị thừa là bảy. Chỉ hội Nhị thừa, tại sao nhị thừa ư? Do cộng nhị thừa và Nhị thừa trong luận Bà-sa hoàn toàn sai khác, Bát-nhã không cùng Nhị thừa kia, cộng cho nên nay hỏi. Nếu Tam tạng Tam thừa không cần hội nhập thì bốn thêm bậc của Bà-sa tức là quả cứu cánh viên thường? Hoặc chỉ trở về quả này tức là cộng Phật của kinh Đại Phẩm, vì không làm vị Diệu-giác của kinh Anh Lạc? Hay là quả Phật giá-na của kinh Hoa Nghiêm? Thêm Thông, Biệt Bồ-tát thành chín. Nếu nghĩa phân chia Hạnh, Hưởng thì mới thành mười một. Các thứ đây đều là cái khác của “bị hội”. Bởi vì hợp các cái khác cho nên gọi là một. Một thể thâm nhiếp các cái khác, nên gọi là Đại. Đại tức Viên diệu Nhất thừa của kinh này. Vị đây cùng viên Hoa Nghiêm đồng.

“Nghị thức”: là chỉ dùng tướng khai hợp làm pháp thức oai nghi. “Nay khai tam”: là khai tam tại xưa. Mà nói “nay”: Chỉ nay nhất hóa, từ Nhất thừa khai cho nên gọi là “nay”. “Như trong Thích luận...”: Đầu văn vừa nói “chư Phật đại sự”. Nay văn lại nói “Vì sao gọi là chư Phật đại sự?...”. Phật sở tôn trọng cho nên thường nói đó, cho nên dẫn làm ước lệ. “Vân vân” là: Luận lại có văn, cũng nói như vua ưa lập con ruột của mình làm Thái tử, gọi là “luôn luôn cho...”.

Tiếp trong Nêu hiển thật, xưa dùng bốn Nhất đây để hiển thật. Nay dùng bốn thứ: Khai, thị... đều là Lý nhất. Sư xưa không có, chỉ vì người nói người thọ đều nương trên lý mà lập nhân quả. Sư nay ở đây

lập Nhân quả môn để giải thích khai..., vẫn không bằng ngài Quang Trạch, ở trọng Biệt tựa dùng Bản tích môn mà giải thích bốn câu, Biệt tựa tuy là tựa Tích môn vẫn ở đầu một bộ, lẽ nào ban đầu Pháp thuyết lại phân chia nhân quả ư? Lại chánh là “Nhân môn”: từ đệ tử là nhân mà nói. Nói “Quả môn”: từ Thầy là quả xa (viễn), sự thật đó đầy đủ theo như Huyền Văn. Nếu vậy tức trái ngược lại trưng dẫn của sư xưa. Bản môn đã di dời đến Tích môn đây lý hợp như trước, không thể Bản tích lần nữa lại mở ra khiến Bản môn theo nghĩa “dài”. Nếu kia song nêu Bản tích thì nghĩa trong phẩm hỗn hợp, lẽ nào có thể song song nêu, nơi đây dưới biệt sinh nhân duyên, hướng chi giải thích Tứ nhất không bằng Quang Trạch. Nói “Phương dưới v.v...”: Là nêu nguyên do bản biệt để trách giải thích xưa. Tháp hiện để chứng minh trước kiêm là sau khởi, cho nên bảo tháp xuất hiện là nguyên do bản viễn, Bồ-tát từ đất vọt lên là nguyên do bản cận. Hai lý do chưa đến thì sao được biện bản?

Tiếp, trình bày Quang Trạch. “Nay cũng không dùng...”: là phá. Đầu tiên làm nghĩa nhân quả trái nhau tức phá tam tuệ tại nhân. “Lại tam tuệ...”: chỉ căn cứ nơi nhân, do nhiều thứ tam tuệ tức giả sử hỏi: Dù dùng tam tuệ mà cần chọn tam giáo, tam giáo tam tuệ còn chưa nhập nơi Thánh vị đương giáo, hướng chi Thánh vị Viên giáo ư! Cho nên lại giả sử nói: Nếu là Viên tam tuệ thì địa vị này cũng chưa Khai tri kiến Phật, cho nên hai giáo trước và Biệt địa tiền không có Tri kiến Phật. “Nếu là tam tuệ khác...”: là kết nạn. Câu đầu kết chẳng phải Tri kiến Phật. “Nếu làm...”: là tự trái mệnh chương. Nói “vân vân”: Cần phải biện rộng cái ý không thể dùng, đem giáo và lý để chứng minh ý không dùng. Để phá “Địa sư” thì trước thuật, tiếp phá. Trước thuật nói “Đệ ngũ hằng...”: Kia căn cứ Đại kinh phẩm Tứ Y thứ sáu nói: Thiện nam tử! Nếu chúng sinh nào ở nơi một hằng hà sa chư Như Lai phát Bồ-đề tâm, thì sau mới có thể ở trong đời ác không hủy báng kinh này, ưa thích kinh này nhưng không thể vì người phân biệt diễn thuyết. Ở nơi hai hằng sa chư Phật, chánh hiểu, tin ưa nhưng cũng không thể nói rộng. Ở nơi ba hằng sa chư Phật, thọ trì viết chép, tuy vì người khác nói mà không thể giảng nghĩa sâu. Ở nơi bốn hằng sa rộng nói, trong mười sáu phần thì giảng nghĩa một phần. Ở nơi năm hằng sa giảng nghĩa được tám phần. Ở nơi sáu hằng sa giảng được mười phần. Ở nơi bảy hằng sa giảng được mười bốn phần. Ở nơi tám hằng sa giảng được mười sáu phần, giải thích đầy đủ tường tận nghĩa thú kia, đó gọi là Như Lai thường hằng bất biến. Các câu sau, từ “hai hằng sa” cho đến “tám hằng sa”, mỗi câu đều có

cấu trúc tương tự câu đầu (một hằng sa), không lập lại phần giống, chỉ nêu phần khác. Kinh văn trước một hằng sa, lại nói: “Nếu chúng sinh... một sông Ni-liên...” chưa có thể tin thọ, tổng cộng thành chín đoạn. Do sông Ni-liên, gấn thành Câu-thi-la, nhỏ hơn sông Hằng. Nói “phát tâm”: Có người nói: Gặp một đức Phật phát một đại nguyện rải xuống một hạt cát. Dù gặp nhiều đức Phật mà không phát nguyện, thì cũng không rải xuống một hạt cát. Dù có phát tâm không thấy Phật cũng không rải xuống một hạt cát. Thấy một đức Phật dù phát nhiều nguyện cũng chỉ rải một hạt cát. Một phen phát tâm thấy nhiều đức Phật cũng chỉ rải xuống một hạt cát. Như vậy tích chứa số đến tám hằng sa... là để nêu rõ nhập vị đầu dễ sau khó. Đầu tiên tăng lần thứ nhất tức được tám phần, sau lần này thì chỉ có thể tăng hai phần. Hai lần tăng này như đến Thái úy thì dễ, Thừa tướng thì khó. Nói mười sáu phần: Như thế gian cân mười sáu lượng làm một cân. Cho nên trong Đại luận nói: Phật nói Địch Phúc ngoại đạo (cho là tài trí hơn người): Ông nếu xuất gia, so sánh với trí tuệ của Xá-lợi-phất thì trí tuệ của ông không bằng một phần mười sáu của Xá-lợi-phất. Phương Tây khi so sánh thì phần nhiều dùng ý đây. Người xưa cho rằng năm hằng sa tại Hiền vị, dùng “sáu, bảy, tám phần” đối với Sơ địa trở lên, đến Thập địa thì dùng đối “mười hai - mười bốn - mười sáu phần”. Phải biết ý xưa nói: nhiều lần phát tâm là tại phương tiện giáo, Thật giáo thì tâm kia không nhiều lần phát. Đối với giáo nay thì không thể nhiều lần phát mà phân biệt khai..., lại căn cứ Hiền Thánh lập vị không đồng.

Hỏi: Kia nhiều lần phát tâm đều nói đối kinh Niết-bàn hiểu được bao nhiêu phần, tại sao phán định là phương tiện giáo?

Đáp: Danh Niết-bàn đã thông, sở duyên sinh giải cũng khác. Dù chẳng phải hai giáo trước, cũng chỉ thành Biệt giáo giáo đạo. Lấy đây mà nói, thì giáo tương khó biện, hướng chỉ sư xưa đối vị tự hiểu kinh kia.

Nếu ở vị Kiến, Tư, Đoạn thì không thành nghĩa Biệt, không thể Thông vị mà hiểu rõ Viên khai... Nếu đồng thể Kiến, Tư tận thì chẳng phải Lục địa. Cho nên biết hiện tại năng tin Như Lai trí tuệ thậm thâm cảnh giới thậm thâm, lý thì không dễ dàng, Hoa Nghiêm dung thông cực đốn thuyết, còn lạc mất chỉ quy. Pháp Hoa chỉ hiển Nhất thừa, không thể hội đó thành tiệm. Lại có Tiên tuệ khai thiện trị thành, đều có phân biệt giải thích, đều chẳng phải ý nay. Chương An nói: Tam thập tâm là Y thứ nhất, năm hằng sa, Sơ địa trở đi là Y thứ hai đều là địa vị Sư. Ý dùng Y thứ nhất đủ phiến não tánh làm địa vị đệ tử, Chương An cũng

tự căn cứ kinh kia để phân biệt địa vị. Nếu phán khai..., thì đây cũng không phải thế. Vì sao? Vì muốn phán xét bốn y cần phải căn cứ bốn giáo, đều không thể dùng đây phán xét là khai... Bốn y thông phạm, khai..., chỉ có Thánh. Thánh lại căn cứ theo Viên. Cho nên bên dưới kết nói “không cùng kinh hội”.

“Dẫn kinh...”: Đại kinh đối Địa tiền là Văn Kiến, tức Biệt giáo địa, sao lại được chứng Thông? Đấng địa nhãn kiến tức Phật nhãn, cho nên Lục địa Tư tận toàn tại Thông giáo. Từ xưa đến nay chỉ biết dùng Địa để giải thích Địa, mà toàn không biện rõ sở tại của địa. Nói “vân vân”: là rộng lập lý giáo để phá sự xưa, lược như thuật trước nay. “Nạn đây đồng trước”: Nạn đồng Quang Trạch dùng tam tuệ. Lại phá tam tuệ cho nên nói “đồng trước”. Cũng lại nên nói: Ngũ trước trước trừ, tại sao chỉ giáo nay? Nếu giáo nay trừ trước thì phải mới thành Thanh-văn. Nếu mới trừ trước thì làm sao tri kiến Phật hiển ư? Uế trừ lý hiển, nạn cũng như vậy.

Tiếp, “Có người...”: hai sư đều dùng Pháp Hoa làm nhập, khiến Pháp Hoa thành cực, khước từ ba lỗi trước, tri kiến Phật đều nơi kinh này. Khai... lẽ nào có thể phân thuộc giáo khác, tức thành giáo khác có Tri kiến Phật? Bởi vậy nói Biệt giáo là Tam thừa Biệt, tức chỉ Lộ uyển. Hai sư đều dùng Thông giáo Tam thừa mà làm Bát-nhã. Nói “ức dương”(khen chê): là căn cứ trong kinh Tịnh Danh chê bai khuất phục Thanh Văn và tán dương Bồ-tát. Đây do không hiểu kinh kia cũng có chê bai khuất phục Bồ-tát, không phải chỉ có tán dương. Cho nên nay tám chữ phán xét hết lý kinh, đó là “chê Tiểu, trách Thiên, khen Đại, mộ Viên”. “Tách ra” cũng như phân ra, như xé lụa, tức bốn câu không thể phân. “Có người nói: Tam thập...”: Thông không có Địa tiền vị tam thập tâm cho nên gọi là “hiệp Biệt”, chỉ nói Sơ địa Lục địa cho đến Thập địa gọi là “bàng Thông”. “Chưa thấy Pháp Hoa kỳ dị”: Kinh khó tư duy, chẳng phải phạm phụ lượng được, căn cứ Thánh tán thán lựa chọn Thầy trò có thể biết, nay y nghĩa phụ văn lược. Có mười cặp để biện rõ tướng đặc thù, cùng Nhị thừa cận ký khai Như Lai viễn bản. Tùy hỷ tán thán người thứ năm mươi, nghe được lợi ích đến nhất sinh Bồ xứ. Thích-ca chỉ Ngũ nghịch Điều-đạt làm bản sư, Văn-thù dùng Long nữ tám tuổi làm sở hóa, phạm nghe một câu đều được thọ ký. Thủ hộ kinh nói công không thể lường, nghe phẩm rồi thọ trì thì vĩnh viễn từ bỏ thân nữ. Nếu nghe đọc tụng mà không già không chết, thì năm hạng Pháp sư hiện thân hoạch tương tự, bốn hạnh an lạc mộng nhập Đồng luân. Nếu nào loạn thì đầu bể thành bảy phần, có cúng dường thì phước hơn mười

hiệu, hưởng chi đã, nay, sẽ nói sự tuyệt diệu một đời giáo hóa. Tán tán giáo pháp kia bảy thí dụ xưng tán. Phẩm Tụng Địa Dũng Xuất A-dật-đa không biết một người. Phương Đông Liên Hoa Long Tôn Vương chưa biết tướng Bản, hưởng chi Tích hóa nêu ba ngàn chấm điểm. Bản thành dụ năm trăm vi trần, bản tích sự ít hiếm các giáo không nói, như văn đây... căn cứ theo kinh vẫn có, lại y ý chỉ trước nay thì chẳng có gì cho là kỳ lạ.

“Có người dẫn Hoa Nghiêm...”: ý người khác là lại trách các sư. “Địa tiền có tứ thập tâm” vị, tại sao không dùng đó để giải thích Khai tri kiến Phật, mà chỉ dùng Địa tiền tam thập vị ư? Phá có hai lỗi: 1. Lầm dụng Hoa Nghiêm Thập tín. 2. Hiền vị chẳng phải Tri kiến Phật. Nói “Hoa Nghiêm không nêu rõ Thập tín”: Người xưa cũng dùng Hoa Nghiêm Trụ tiền tu mười phạm hạnh Không, tức nhập Sơ trụ, đem mười phạm hạnh Không đối với vị Thập tín. Nay văn phá là kinh không có tên “Tín”, nên nói “không có”. Các vị theo “Nhiếp Đại Thừa luận” thì đầy đủ như Thích Tiêm dẫn. E rằng: chính là “Thập địa luận”, dư chữ “thất” trong cụm từ “Thập thất địa luận”. “Có người...”: là phá, dùng “luận tứ trí”: Sư kia dẫn nói: “Tổng biệt nhất thời”, muốn giải thích bốn câu khiến không có trước sau, không có ý khước từ thành nghĩa cao thấp không đúng (đương). Nay chia làm hai phá: 1. Chỉ nói Tứ trí nhất thời mà không phân vị biệt. 2. Tứ trí tại quả khai... thông nhân. Do đây không đúng, nên nay không dùng. Lại căn cứ Chỉ Quán dẫn luận Tứ trí, do nhân quả kia đều có tổng biệt. Nếu chỉ chỉ quả Tứ trí thì địa vị cao. Nay lại thẳng dùng quả trí để trách kia. “Tứ trí”: Nghĩa là Đạo tuệ, Đạo chủng tuệ, Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí. Tứ trí này tại quả nhất thể đầy đủ. Nếu bốn thứ: Khai, v.v... là trong dọc mà luận ngang thì phải bốn vị riêng đối bốn trí. Dù nhân quả tương đối đều có tổng biệt, chỉ thành nhân quả, tại sao gọi là “khai”?... “Có người nói phi Không phi hữu...”: Ý dùng lý song phi hiển làm “Khai”, chẳng xuất không hữu, phân minh chỉ lý năng không năng hữu, cho nên gọi là “Thị”. Thấy không hữu này không lìa lý mới chính là “Ngộ”. Lại hiểu lý đây không hai mà hai, mới gọi là “Nhập”. “Người này...”: là ý phá: Nói “không hữu” là “căn cứ hai đế”, tuy làm bốn lớp mà chỉ là hai lý không hữu mà thôi! Thất lý sâu cạn, mê thể không hữu, chỉ liệt kê không hữu, uổng phân làm bốn lớp cho nên không có Thể trung đạo, uổng dùng song phi, không xuất nhị thừa, e rằng liên quan đến Thông giáo.

“Có người nói: Đạt tam đế...” Tuy nêu tam đế mà không biện điều hòa, tức mặc cho phân mở. Biệt nhân sơ tâm đâu từng không thấu

đạt lý tam đế, gọi đạt là khai mà không gọi khai! Đến địa vị Thập hạnh phân minh thấy giả, đến Hồi hương vị quán không có một và khác. Nếu nhập Sơ địa thì mới thuận dòng pháp, như thế đâu có thể tránh được Biệt nghĩa, cũng chưa có thể biện rõ tướng biệt của Khai..., chẳng phải sơ tâm rốt ráo không biệt cho nên không phải Phật giới.

Tiếp, “Có người giải thích...”: Dùng tổng biệt tướng để giải thích “Tri kiến”. Người này không biết luận nói: “Nhất thiết trí là trí Thanh- văn, không nên lấy đây làm “Tri” (biết), Nhất thiết chủng trí ở sau hai trí thuộc Biệt Phật trí, không nên lấy đây làm Viên Phật “kiến”. Lại người xưa nói “Kiến” nhất thiết, tiện lấy làm tổng, do có nói “chủng” bèn phán làm biệt. Đây cũng không thấy văn Đại luận nói Viên. “Thích luận nói...”: Vì muốn người dễ hiểu cho nên phân thuộc ba hạng người, so sánh kia phân ba điều Đại tiểu nhân quả, thì hoàn toàn sai khác, vì sao đem giải thích Viên Phật tri kiến? “Có người giải Tận trí...”: “Tận, Vô sinh” là tên xuất từ Tam tạng, nói Vô sinh hơi thông nơi Tam. Nói “căn cứ thanh tịnh” đều phán thuộc Thông Phật. “Như trên...”: Điều không thấy đại ý Pháp Hoa. Tổng thì như Huyền Văn, đại ý mới rõ. Lược thì như sơ này giải thích phẩm Phương Tiện, đến đây chỉ biết nghĩa Phật tri kiến.